TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/DS-ST
Ngày 25/10/2019
V/v *"Tranh chấp kiện đòi bồi thường thiệt hại về tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Chuyên.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Lợi

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- ***Thư ký phiên tòa***: **Bà Huỳnh Thị Phượng** là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa***: Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2018/TLST - DS ngày 9 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Kiện đòi bồi thường thiệt hại về tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1938; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn N ủy quyền cho ông Huỳnh Văn T theo văn bản ủy quyền đề ngày 11/4/2018 (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Quang D, sinh năm: 1953 và bà Nguyễn Thu H, sinh năm: 1958; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

3. *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông D, bà H*: Ông Phạm Hoàng Khoa là Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Hoàng Khoa thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Văn T trình bày: Giữa gia đình anh và gia đình ông D, bà H có tranh chấp ranh đất, trên phần đất tranh chấp gia đình anh có trồng một cây tràm bông vàng. Do vợ chồng ông D, bà H lấn chiếm đất và dùng xe cuốc phá hủy lấn chiếm đất và chặt cây tràm bông vàng

của gia đình anh, anh đã báo chính quyền địa phương lập biên bản, vợ chồng ông D bà H cố tình cưa ván để sử dụng, anh đã nhờ người mua cây xác nhận giá trị tài sản bị thiệt hại 6.260.540 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh T xác định phần định giá cây bị thiệt hại là do ông Trần Vũ L làm thợ mộc tự định giá cho anh không có sự chứng kiến của ông D, hôm nay tại phiên tòa anh thống nhất với ông Bùi Quang D giá trị của cây tràm bông vàng là 3.000.000 đồng.

Nay ông N và anh T yêu cầu ông D và bà H bồi thường thiệt hại cây tràm bông vàng trị giá 3.000.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 13/4/2019 và tại phiên tòa ông Bùi Văn D và bà Nguyễn Thu H trình bày: Việc ông N và anh T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bồi thường trị giá cây tràm bông vàng là 3.000.000 đồng là không đúng, cây tràm bông vàng là do nó mọc tự nhiên trên phần đất của ông, ông có quyền chặt để sử dụng, gia đình ông cưa ra để làm củi nhóm bếp. Ông N và anh T cho rằng vợ chồng ông tự ý chặt phá gây thiệt hại là vô lý, vợ chồng ông không đồng ý bồi thường số tiền trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Các đương sự cũng chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng nhận thấy: Nguyên đơn xác định yêu cầu buộc ông D và bà H bồi thường thiệt hại cây tràm bông vàng có giá trị là 3.000.000 đồng nhưng anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh được là trồng cây trên phần đất của ông D, tại thời điểm trồng có được sự đồng ý của ông D không. Do đó, việc yêu cầu nêu trên của ông N và anh D là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông N, anh T.

Về án phí: Buộc ông N và anh T phải chịu án phí không có giá ngạch. Tuy nhiên, ông N là người cao tuổi nên miễn án phí cho ông N. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Luật sư phát biểu quan điểm: Việc nguyên đơn cho rằng trồng rất nhiều loại cây trên đất của mình nhưng lại mâu thuẫn với đơn khởi kiện là trồng 36 cây trong đó 35 cây bạch đàn, 01 cây tràm bông vàng. Khi bán 35 cây bạch đàn lại không nằm chung một khu với cây tràm bông vàng nên việc bị đơn cho rằng cây tràm bông vàng mọc tự nhiên trên phần đất của mình là hợp lý. Ghi nhận việc các đương sự đã thống nhất với nhau giá trị của cây tràm bông vàng là 3.000.000 để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Do khu vườn của ông D có nhiều loại cây trồng, cây tràm tán rộng che khuất các cây khác cho nên ông D chặt cây tràm cho các loại cây khác phát triển không bị che khuất. Việc tranh chấp đất giữa hai bên đã được Tòa án sơ thẩm, phúc thẩm giải quyết và tuyên phần đất của ông N nằm mép ngoài của cây tràm bông vàng, phần đất đã giao thì phần hoa lợi lợi tức thuộc quyền sử dụng của bên có đất. Cho nên, những chứng cứ

mà nguyên đơn đưa ra không hợp lý. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Xét yêu cầu khởi kiện của ông N và anh T cho rằng cây tràm bông vàng do gia đình anh trồng về mặt thời gian anh trình bày không có sự thống nhất lúc thì trồng 2002, rồi trồng năm 2009, anh T dựa vào giấy xác nhận của ông Trần Vũ L làm thợ mộc tự định giá cây với giá 6.260.540 đồng và yêu cầu vợ chồng ông D, bà H bồi thường số tiền trên. Trái với lời trình bày của anh T thì vợ chồng ông D, bà Hg xác định cây tràm bông vàng nằm trong phần đất của gia đình ông, vợ chồng ông đã cưa cây làm củi, cây tràm có giá trị khoảng 1.000.000 đồng không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông N và anh T.

[2.2] Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa hôm nay anh T trình bày về việc gia đình anh trồng cây tràm đang tranh chấp nhưng không có sự thống nhất với nhau về mặt thời gian trồng cây, lúc thì trồng năm 2002, lúc trình bày trồng năm 2009, khi trồng thì cũng không có ai biết, trồng tổng cộng 36 cây, trong đó trồng 35 cây bạch đàn đã bán hết chỉ để lại một cây tràm bông vàng làm ranh; còn theo như ông Dg và bà H trình bày thì cây tràm này mọc tự nhiên trên đất của ông bà, việc anh T cho rằng gia đình anh trồng là không đúng. Tại phiên tòa hôm nay hai bên thống nhất với nhau giá trị của cây là 3.000.000 đồng, việc thỏa thuận này cần được ghi nhận để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Qua xem xét tại bản án sơ thẩm số 45/2017/DS-ST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông N với vợ chồng ông D, bà H; hai bên không đồng ý với bản án sơ thẩm đã kháng cáo và cấp phúc thẩm giải quyết theo bản án số 190/2017/DS-PT ngày 05/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về tranh chấp quyền sử dụng đất và cấp phúc thẩm xử công nhận ranh giới giữa hai thửa đất của ông N và thửa đất của ông D, buộc vợ chồng ông D, bà H phải trả cho ông N 76,63 m^2, đất vị trí kéo thẳng từ phía lộ Bến Nhứt – Giồng Riềng kéo đến phía sau giáp kênh hậu tại vị trí mép ngoài của cây tràm bông vàng về phía đất ông N. Ngoài ra, tại biên bản về việc ghi nhận yêu cầu Thi hành án thì hai bên đã thỏa thỏa thuận cắm ranh và cắm trụ đá theo bản án phúc thẩm đã tuyên và trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh T cũng xác định: cây tràm bông vàng tuy ông D có chặt phần cây nhưng hiện nay phần gốc còn lại nằm hoàn toàn trong phần đất của ông D và bà Hg. Do đó, có đủ cơ sở để xác định cây tràm bông vàng mà vợ chồng ông D đã chặt sử dụng là của gia đình ông.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D và bà H là có căn cứ. Hội đồng xét xử sau khi nghị án thống nhất không

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, anh T đối với vợ chồng ông ông D, bà H về việc đòi bồi thường thiệt hại giá trị của cây tràm bông vàng là 3.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của ông N và anh T không được chấp nhận nên phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, mỗi người phải nộp là 150.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn N thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo nguyên tắc có lợi cho đương sự. Anh T phải chịu án phí là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 2409 ngày 09/3/2018. Còn lại 150.000 đồng trả lại cho ông N và anh T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N, anh Huỳnh Văn T đối với ông Bùi Quang Dg và bà Nguyễn Thu H.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông N và anh T không được chấp nhận nên phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, mỗi người phải nộp là 150.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn N thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo nguyên tắc có lợi cho đương sự. Anh T phải chịu án phí là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 2409 ngày 09/3/2018. Còn lại 150.000 đồng trả lại cho ông N và anh T.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/10/2019).

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp